TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HOÁ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92/2026/QĐST-DS	*Thanh Hoá, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 106/2026/TLST-DS ngày 23/4/2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V)

Địa chỉ: Số A T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức T - Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Hữu P - Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S
- Ông Dương Văn H - Trưởng phòng bán lẻ - Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S

Cùng địa chỉ: Số B Đ, phường S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Cao Thị T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: TDP T (nay là TDP Q), phường S, tỉnh Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Vũ Như H1, sinh năm 1981

2/. Ông Vũ Như H2, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962

3/. Ông Lường Văn T2, sinh năm 1981 và bà Vũ Thị H3, sinh năm 1982

Cùng đ/c: TDP Thu Hảo (nay là TDP Q), phường S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị T1, ông Vũ Như H2, bà Nguyễn Thị M, ông Lường Văn T2, bà Vũ Thị H3: Ông Vũ Như H1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: TDP T (nay là TDP Q), phường S, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về nợ**: Tính đến ngày 31/7/2026 bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 còn nợ

ngân hàng là 136.805.115đ (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn một trăm mười lăm đồng), bao gồm: Nợ gốc: 120.001.359 đồng; Lãi: 15.785.256 đồng; Lãi quá hạn: 1.018.500 đồng.

- Về phương án trả nợ và thời gian trả nợ:

+ Chậm nhất đến ngày 17/8/2026, bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) (Ưu tiên trả vào nợ gốc)

+ Chậm nhất đến ngày 31/8/2026, bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) (Ưu tiên trả vào nợ gốc)

+ Chậm nhất đến ngày 30/9/2026, bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C là 66.805.115đ (Sáu mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn một trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc còn lại là: 50.001.359 đồng và Nợ lãi là 16.803.756 đồng

Ngoài ra, bà T1 và ông H1 phải chịu lãi suất phát sinh theo đúng thoả thuận theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 22/2023 ngày 13/06/2023 và Phụ luc Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 01/2024 ngày 16/02/2024 kể từ ngày 01/8/2026 cho đến ngày ông H1 bà T1 thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C.

Nếu bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 vi phạm bất kì kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số nợ trên của bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 và có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 190, tờ bản đồ số 28, diện tích 189m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Q, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố Q, phường S, tỉnh Thanh Hóa). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 041290 do UBND thị xã S cấp ngày 02/8/2007. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H: 01500.QĐ:672/QĐ-UBND. Tên chủ sở hữu: Ông Vũ Như H1 và bà Cao Thị T1; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2200205218/2019/HĐBĐ/NHCT422-AI041290-NV2 ngày 12/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh S và ông Vũ Như H1 bà Cao Thị T1 được Công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 5610, quyển số: 02/2019 TP/CC-SCC/HĐGD và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp;

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 189, tờ bản đồ số 28, diện tích 200m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Q, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố Q, phường S, tỉnh Thanh Hóa). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 537811 do UBND thị xã S cấp ngày 09/03/2007. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H01306.QĐ:217/QĐ-UB. Tên chủ sở hữu: Ông Vũ Như H2 và bà Nguyễn Thị M; Hợp đồng thế chấp bất động sản số

2200205218/2019/HĐBĐ/NHCT422-AH537811-NV2 ngày 12/06/2019 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh S và ông Vũ Như H2 bà Nguyễn Thị M được Công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng: 5612, quyển số: 02/2019 TP/CC-SCC/HĐGD và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp;

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 211b, tờ bản đồ số 26, diện tích 177,5m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã Q, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là tổ dân phố Q, phường S, tỉnh Thanh Hóa). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 782065 do UBND thị xã S cấp ngày 23/03/2015. Số vào sổ cấp GCN: CH 01313 QĐ: 480/QĐ-UBND. Tên chủ sở hữu: Ông Lường Văn T2 và bà Vũ Thị H3. Hợp đồng thế chấp số 2397944/2023/HĐBĐ/NHCT422-BY782065 ngày 28/8/2023 giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh S và ông Lường Văn T2 bà Vũ Thị H3 được Công chứng tại Văn phòng C2, số công chứng: 1777, quyển số: 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD và các văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp.

- **Về án phí dân sự**: Bà Cao Thị T1 và ông Vũ Như H1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.420.000đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) – Đã được làm tròn số.

H4 lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.161.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002956 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền, nghĩa vụ, quyền thỏa thuận, tự nguyện thi hành án; trường hợp không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV4 - Thanh Hoá;
- THADS Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng